

Bản án số: 169/2023/DS-PT

Ngày: 17 - 4 - 2023

V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dạm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/01/2023 và 17/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 372/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Tùng C, sinh năm 1966;

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là: Bà Hà Túy P, sinh năm 1969 (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2022);

Cùng địa chỉ: Số nhà 364, Tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Lê Thị K, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Số nhà 360, Tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K là: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số nhà 362, Tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022).

2. Lê Thị Ba, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thị Ngôn, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số 233/A, Tổ 1, ấp Phú Nhuận, xã Tân Nhuận Đông, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Thị Sáu, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số nhà 163/6, đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ba, bà Ngôn và bà Sáu là: Anh Trịnh Quốc Việt, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Thị Tuyết Trang, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp An Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thành Trung, sinh năm 1976;

3. Lê Văn Nhân, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Số nhà 362/1, ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hà Túy P, sinh năm 1969;

5. Lê Thanh Điền, sinh năm 1990;

6. Lê Thanh Duy, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Số nhà 364, Tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

7. Lê Minh Thiện, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Tùng C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Hà Túy P là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Lê Tùng C, đồng thời là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cụ Phạm Thị Kỷ sinh năm 1912, chết năm 2014 là bà nội của ông Lê Tùng C. Năm 1995, cụ Kỷ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tổng diện tích là 12.000m². Đến ngày 27/03/2002 cụ Kỷ được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa 1476, diện tích 2.010m²; thửa 1477, diện tích 1.810m²; thửa 1502, diện tích 4.473m². Cả 03 thửa đất cùng tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 8.550m².

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Kỷ gồm: Ông Lê Văn Sung (Chồng cụ Kỷ chết trước năm 1975); Bà Lê Thị Ba; Bà Lê Thị K; Bà Lê Thị Sáu; Bà Lê Thị Ngôn; Ông Lê Văn Nghĩa (Chết năm 1968, không có vợ con); Ông Lê Văn Tảo (Chết khi còn nhỏ); Ông Lê Văn Ngọc (Chết trước năm 1975, không có vợ con); Ông Lê Văn Tuấn (Chết năm 1991; Người thừa kế thế vị của ông Tuấn gồm: Ông Lê Tùng C; anh Lê Minh Thiện; chị Lê Thị Tuyết Trang; anh Lê Văn Nhàn; anh Lê Thành Trung).

Năm 2016, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Sáu, bà Lê Thị Ngôn khởi kiện tranh chấp chia thừa kế đối với di sản là phần đất do cụ Kỷ để lại. Tại Bản án số 39/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện C Thành đã căn cứ vào Tờ chúc ngôn ngày 15/9/2003 của cụ Kỷ để giải quyết chia toàn bộ các thửa 1477 và 1502. Đối với thửa số 1476 thì chỉ giải quyết một phần, còn lại diện tích 450m² (Đo đạc thực tế là 410m²) thuộc một phần thửa 1476, là phần ao cặp sông Dừa do ông Lê Tùng C trực tiếp quản lý hơn 32 năm, nhưng do Hội đồng xét xử cho rằng các đương sự không ai có tranh chấp, không có yêu cầu trong vụ án nên không được giải quyết trong Bản án số 39/2021/DS-ST ngày 29/10/2021.

Phần đất ao diện tích 410m² này, ông Tuấn và các con ông Tuấn đào khoảng năm 1976. Ông C sử dụng từ năm 1989 đến nay, bà K, bà Ba, bà Ngôn, bà Sáu không sử dụng phần diện tích đất này. Ông C bắt đầu nuôi cá từ năm 1989 đến khoảng năm 2012 thì không nuôi nữa. Hiện nay trong ao là cá sông tự nhiên vào. Các cây bần trên đất là của ông Tuấn trồng nhưng đã chết hết. Sau đó, ông C trồng 05 cây bần lớn và các cây bần nhỏ, ông C không có yêu cầu gì đối với các cây bần trên phần đất tranh chấp và ông C không yêu cầu định giá cây.

Phần đất ao này không nằm trong diện tích đất được cụ Kỷ chia trong Tờ chúc ngôn ngày 15/9/2003. Tuy nhiên, ngày 01/6/1993 cụ Kỷ có làm đơn xin bảo lãnh để ông C được tách hộ khẩu, đồng thời cho ông C 2.000m² đất, gồm có 1.500m² đất ruộng và 500m² đất thổ cư trong đó có phần đất ao 410m² đất.

Vì vậy, ông Lê Tùng C yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 410m² đất thuộc một phần thửa số 1476, tờ bản đồ số 02, do cụ Phạm Thị Kỷ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 12/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C Thành.

- Bị đơn:

+ Bà Lê Thị K trình bày:

Bà thống nhất với ông C về những người thừa kế của cụ Kỷ. Đối với di sản do cụ Kỷ để lại gồm: Thửa 1476, diện tích 2.010m²; thửa 1477, diện tích 1.810m²; thửa 1502, diện tích 4.473m². Cả 03 thửa đất cùng tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 8.550m², đo đạc thực tế là 9.312m². Do đó, khi giải quyết chia thừa kế theo Tờ chúc ngôn ngày 15/9/2003 thì còn lại phần diện tích 450m² (Đo đạc thực tế 410m²) đất ao cặp sông Dừa chưa được giải quyết chia thừa kế theo Bản án số 39/2021/DS-ST ngày 29/10/2021. Đây là phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Kỷ để lại. Vì vậy, đây cũng là di sản do cụ Kỷ để lại chưa được chia thừa kế.

Phần đất diện tích 410m² đất này, ông Tuấn đào ao khoảng năm 1976. Ông C chỉ sử dụng từ năm 1995 đến nay. Đồng thời, diện tích thực tế mà ông C sử dụng là từ mé nhà ông C kéo xuống mé sông đến giáp ranh ông Chói. Từ mé nhà ông C xuống mé sông trở về giáp ranh ông Được thì bà K sử dụng.

Ngăn cách giữa phần đất bà K sử dụng và phần đất ông C sử dụng có một cái bờ nhưng đã lạn. Ông C là người bắt cá trong ao này nhưng cá trong ao là cá tự nhiên vào. Các cây bần trên đất là của ông Tuấn cha của ông C trồng (05 cây bần lớn) còn các cây bần nhỏ là tự mọc.

Do đó, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 410m² thuộc một phần thửa thừa số 1476, tờ bản đồ số 02, do cụ Phạm Thị Kỳ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu được nhận 82m² đất phần giáp với đất ông Được nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 11, 12 về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 12/4/2022. Còn các cây bần trên phần diện tích này thì ông C tự di dời.

+ Bà Lê Thị Sáu, bà Lê Thị Ba và bà Lê Thị Ngôn trình bày:

Các bà thống nhất với ông C, bà T về những người thừa kế của cụ Kỳ, về di sản do cụ Kỳ để lại, cũng như thống nhất theo kết quả giải quyết của bản án số 39/2021/DS-ST ngày 29/10/2021.

Đối với diện tích 410m² đất thuộc một phần thửa 1476 chưa được chia thừa kế theo bản án số 39/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 thì yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể: Bà Sáu yêu cầu được chia diện tích 82m² nằm trong phạm vi các mốc 2, 3, 10, 11 về 2; Bà Ngôn yêu cầu chia diện tích 82m² nằm trong phạm vi các mốc 3, 4, 9, 10 về mốc 3; Bà Lê Thị Ba yêu cầu chia diện tích 82m² nằm trong phạm vi các mốc 4, 5, 8, 9 về mốc 4. Còn các cây bần trên đất thì ông C tự di dời.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C Thành đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tùng C.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 410m² đất thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm do bà Phạm Thị Kỳ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đó:

- Ông Lê Tùng C được quyền quản lý sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm nằm trong phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8 về mốc 5.

- Bà Lê Thị K được quyền quản lý sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 11, 12 về mốc 1.

- Bà Lê Thị Ba được quyền quản lý sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm nằm trong phạm vi các mốc 4, 5, 8, 9 về mốc 4.

- Bà Lê Thị Sáu được quyền sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm nằm trong phạm vi các mốc 2, 3, 10, 11 về mốc 2.

- Bà Lê Thị Ngôn được quyền quản lý sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm nằm trong phạm vi các mốc 3, 4, 9, 10 về mốc 3.

Kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 12/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2022.

Ông Lê Tùng C có nghĩa vụ di dời các cây trồng trên phần đất mà bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Ngôn, bà Lê Thị Sáu được sử dụng

Bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Ngôn, bà Lê Thị Sáu, ông Lê Tùng C, được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2022 ông Lê Tùng C làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng Chấp nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích 410m² đất ao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, sửa một phần bản án sơ thẩm. Chia thừa kế cho ông C 2/6 diện tích đất tranh chấp. Trong đó, 1/6 diện tích chia cho ông C bằng tiền theo quy định của pháp luật. Do phần đất phân chia bằng hiện vật mỗi người 1/6 thì diện tích sẽ nhỏ không đảm bảo trong việc sử dụng đất.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Bản án số 39/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện C Thành đã giải quyết chia thừa kế đối với di sản do cụ Kỷ để lại. Tuy nhiên, đối với phần diện 410m² thuộc một phần thửa 1476 là phần đất dôi dư so với diện tích cụ Kỷ phân chia trong tờ chúc ngôn ngày 15/9/2003. Quá trình giải quyết vụ án chia thừa kế tại Bản án số 39/2021/DS-ST ngày 29/10/2021, các Nguyên đơn không yêu cầu chia diện tích này và chưa được giải quyết trong vụ án tranh chấp chia thừa kế di sản của cụ Kỷ. Trong phần Quyết định của bản án có tuyên rõ: *“1.6. Phần diện tích 450m² thuộc thửa số 1476, tờ bản đồ số 02 thể hiện qua các mốc 7, 8, 9, 10, 7 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/4/2021. Các đương sự không yêu cầu, không có tranh chấp trong vụ án nên không xem xét giải quyết”*. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự không có khiếu nại giám đốc thẩm và đã được thi hành xong. Như vậy, phần diện tích 410m² đất này là di sản của cụ Kỷ chưa được chia thừa kế.

[2] Ông C cho rằng ngày 01/6/1993, cụ Kỷ có làm đơn xin bảo lãnh để ông được tách hộ khẩu, đồng thời cho ông 2.000m² đất, gồm 1.500m² đất ruộng và 500m² đất thổ cư trong đó có phần đất ao 410m². Theo đơn bảo lãnh ngày 01/6/1993 không thể hiện là cụ Kỷ có cho ông C phần diện tích đất 410m² nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật cho các đương sự diện tích đất nêu trên là có căn. Tuy nhiên, ông C là người đã quản lý sử dụng phần đất trên trong thời gian dài nên cần phải xem xét công sức giữ gìn cải tạo đất của ông C để chia cho ông C nhiều hơn các đồng thừa kế còn lại một phần di sản mới phù hợp. Do đó, di sản được chia như sau:

$410\text{m}^2 : 6 \text{ phần} = 68,3\text{m}^2$, ông C được chia 2 phần là $(68,3\text{m}^2 + 68,3\text{m}^2 = 136,6\text{m}^2)$ $136,6\text{m}^2$. Các đồng thừa kế còn lại mỗi người được chia $68,3\text{m}^2$. Tuy nhiên, nếu chia bằng hiện vật cho các đương sự như trên diện tích đất nhỏ không đảm bảo cho việc sử dụng đất có hiệu quả cao. Vì vậy, giữ nguyên như án sơ thẩm đã chia cho các đồng thừa kế mỗi người 82m^2 đất và những người nhận diện tích đất nhiều hơn phần thừa kế của mình phải trả giá trị phần chênh cho ông C là: $82\text{m}^2 - 68,3\text{m}^2 = 13,7\text{m}^2$. Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 23/3/2022 của Hội đồng định giá thì đất tranh chấp có giá $250.000\text{đ}/\text{m}^2$. Vì vậy, bà K, bà Ba, bà Sáu và bà Ngôn mỗi người phải trả cho ông C $13,7\text{m}^2 \times 250.000\text{đ} = 3.425.000\text{đ}$.

[3] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 167, Điều 203 Luật đất đai; Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 688 Bộ luật dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Tùng C.
2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tùng C.

4. Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 410m² đất thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, đất trồng cây lâu năm, do bà Phạm Thị Kỳ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Ông Lê Tùng C được quyền sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8 về mốc 5.

- Bà Lê Thị K được quyền sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, 11, 12 về mốc 1.

- Bà Lê Thị Ba được quyền sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 4, 5, 8, 9 về 4.

- Bà Lê Thị Sáu được quyền sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 2, 3, 10, 11 về mốc 2.

- Bà Lê Thị Ngôn được quyền sử dụng diện tích 82m² thuộc một phần thửa 1476, tờ bản đồ số 02, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 3, 4, 9, 10 về mốc 3.

Kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 12/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án.

Ông Lê Tùng C, bà Hà Túy P, anh Lê Thanh Điền và anh Lê Thanh Huy có nghĩa vụ di dời các cây trồng trên đất (Nếu có) và giao các diện tích đất nêu trên cho bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Ngôn và bà Lê Thị Sáu sử dụng.

Bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Ngôn, bà Lê Thị Sáu và ông Lê Tùng C được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Ngôn và bà Lê Thị Sáu mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tùng C 3.425.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Ông Lê Tùng C phải chịu 1.707.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 1.069.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000240 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C Thành. Ông C còn phải nộp tiếp 638.500 đồng.

- Bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Ngôn và bà Lê Thị Sáu được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Lê Thị K, bà Lê Thị Ba, bà Lê Thị Ngôn, bà Lê Thị Sáu và ông Lê Tùng C mỗi người phải chịu 493.000 đồng. Do ông C đã nộp tạm ứng trước nên bà K, bà Ba, bà Ngôn, bà Sáu mỗi người phải trả lại cho ông C số tiền 493.230 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C T;
- CCTHADS huyện C T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt